SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 04-12-2023 17:57:20 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /2023/NQ-HĐND	*Long An, ngày 01 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Về quy định mức thu, đơn vị tính phí và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 3340/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức thu, đơn vị tính phí và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-HĐND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định mức thu, đơn vị tính phí và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An; các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng chịu phí

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An là khoáng sản không kim loại quy định tại Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, cụ thể gồm các loại khoáng sản: đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; sỏi; cát vàng; cát trắng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói; than khác (trừ các loại than antraxit hầm lò; than antraxit lộ thiên; than nâu, than mỡ); các loại đất khác; nước khoáng thiên nhiên; các khoáng sản không kim loại khác.

3. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m^3 khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m^3	2.000
2	Sỏi	m^3	9.000
3	Cát vàng	m^3	7.500
4	Cát trắng	m^3	10.500
5	Các loại cát khác	m^3	6.000
6	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m^3	3.000
7	Than khác (trừ các loại than antraxit hầm lò; than antraxit lộ thiên; than nâu, than mỡ)	tấn	10.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m^3 khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
8	Các loại đất khác	m^3	2.000
9	Nước khoáng thiên nhiên	m^3	3.000
10	Các khoáng sản không kim loại khác	tấn	30.000

4. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (kể cả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản) quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này là khoản thu ngân sách các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An hưởng 100%.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khoá X, kỳ họp thứ 13 (kỳ họp lệ cuối năm 2023) thông qua ngày 01 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về mức thu phí và tỷ lệ (%) phân chia giữa ngân sách các cấp từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản quy định tại khoản 5, Điều 6 Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022 - 2025 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân

sách trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh) hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, TN-MT, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT) (14)

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Được